

Tăng tỷ trọng

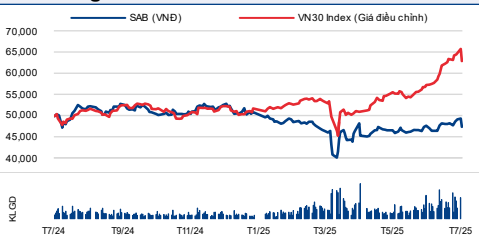
Giá mục tiêu: VNĐ58,200

Tiềm năng tăng/giảm: 22.9%

Giá cổ phiếu (đồng) (29/7/2025)	47,350
Mã Bloomberg	SAB VN
Giá cao/thấp 52 tuần (đ)	40,074-53,116
GTGD (bq 5 phiên) (tr.đ)	48,583
Vốn hóa thị trường (tỷ đ)	60,729
Vốn hóa trị trường (tr.USD)	2,316
Slg CP lưu hành (tr.đv)	1,283
Slg CP NN được sở hữu (tr.đv)	1,283
Slg CP NN được mua (tr.đv)	760
Giới hạn tỷ lệ sở hữu NN	100%
Tỷ lệ sở hữu của NN	40.8%
Tỷ lệ freefloat	10.4%
Cổ đông lớn	Vietnam Beverage (53.6%)

Nguồn: Công ty, Ước tính của HSC

Biểu đồ giá



Nguồn: Công ty, FactSet

Tóm tắt tài chính và định giá

Cuối năm: Thg12	12-24A	12-25F	12-26F
DT thuần (tỷ đồng)	31,872	31,604	32,710
EBITDA đc (tỷ đồng)	4,986	5,550	5,828
LNTT (tỷ đồng)	5,647	6,083	6,338
LNT ĐC (tỷ đồng)	4,330	4,612	4,885
FCF (tỷ đồng)	3,949	3,902	4,336
EPS ĐC (đồng)	3,291	3,488	3,694
DPS (đồng)	5,000	5,000	5,000
BVPS (đồng)	18,153	16,647	15,348
T.trưởng EBITDA (%)	13.8	11.3	5.00
T.trưởng EPS ĐC (%)	5.08	5.98	5.92
Tăng trưởng DPS (%)	42.9	0	0
Tỷ suất EBITDA ĐC (%)	15.6	17.6	17.8
Tỷ suất LNTT (%)	17.7	19.2	19.4
Tỷ suất LNT ĐC (%)	13.6	14.6	14.9
Tỷ lệ LN trả CT (%)	152	143	135
Nợ thuần/VCSH (%)	(17.0)	(17.4)	(17.6)
ROAE (%)	18.2	20.7	23.8
ROACE (%)	17.5	20.8	23.5
EV/doanh thu (lần)	1.81	1.84	1.79
EV/EBITDA ĐC (lần)	11.6	10.5	10.1
P/E ĐC (lần)	14.4	13.6	12.8
P/B (lần)	2.61	2.84	3.09
Lợi suất cổ tức (%)	10.6	10.6	10.6

Nguồn: Bloomberg, HSC ước tính

Mô tả doanh nghiệp

Sabeco là một trong hai doanh nghiệp bia lớn nhất Việt Nam. Ngoài bia, công ty còn sản xuất nước giải khát, rượu, cồn và các sản phẩm khác.

Chuyên viên phân tích

Trần Hương Mỹ

Giám Đốc, Ngành Hàng Tiêu Dùng

my.th@hsc.com.vn

+84 28 3823 3299 Ext. 362

Q2/2025: Lợi nhuận giảm nhẹ so với cùng kỳ nhưng vượt dự báo

- Doanh thu thuần và lợi nhuận thuần Q2/2025 giảm lần lượt 16% và 3% so với cùng kỳ nhưng đều cao hơn dự báo của HSC lần lượt 2% và 11%.
- Doanh thu gộp từ bia chỉ giảm 1% so với cùng kỳ (tăng 12% so với quý trước), điều này theo chúng tôi là một tín hiệu tích cực. Tỷ suất lợi nhuận gộp và tỷ suất lợi nhuận thuần tăng, chủ yếu nhờ thay đổi cách hạch toán chi phí thuế tiêu thụ đặc biệt tại Sabibeco.
- Sau khi giá cổ phiếu tăng 5% trong 3 tháng qua, SAB đang giao dịch với P/E trượt dự phòng 1 năm là 13 lần, thấp hơn 1,5 độ lệch chuẩn so với bình quân từ tháng 3/2022 ở mức 19,4 lần. HSC đang xem xét lại khuyến nghị và giá mục tiêu đối với SAB.

Sự kiện: Công bố KQKD Q2/2025

KQKD Q2/2025 của SAB giảm so với cùng kỳ nhưng vẫn vượt dự báo của HSC (Bảng 1). Doanh thu thuần đạt 6.804 tỷ đồng, giảm 16% so với cùng kỳ nhưng cao hơn 2% so với dự báo của chúng tôi ở mức 6.682 tỷ đồng. Lợi nhuận thuần đạt 1.207 tỷ đồng, giảm nhẹ 3% so với cùng kỳ nhưng vượt 11% so với dự báo ở mức 1.091 tỷ đồng. So với Q1/2025, doanh thu và lợi nhuận thuần tăng lần lượt 17% và 52%.

Tính chung nửa đầu năm 2025, doanh thu thuần đạt 12.615 tỷ đồng, giảm 10% so với cùng kỳ, đạt 44% dự báo cả năm 2025 của HSC ở mức 31.604 tỷ đồng. Lợi nhuận thuần đạt 2.001 tỷ đồng, giảm 11% so với cùng kỳ, đạt 49% dự báo cả năm ở mức 4.612 tỷ đồng.

Doanh thu gộp từ bia giảm 1% so với cùng kỳ, tăng 12% so với quý trước

Sự sụt giảm doanh thu so với cùng kỳ chủ yếu là do chi phí thuế tiêu thụ đặc biệt (TTĐB) tăng mạnh 23% so với cùng kỳ lên 2.944 tỷ đồng. Nguyên nhân là do CTCP Tập đoàn Bia Sài Gòn - Bình Tây (Sabibeco hay SBB) đã trở thành công ty con của SAB (tỷ lệ sở hữu 65%) kể từ năm nay, thay vì là công ty liên kết (tỷ lệ sở hữu 21,8%) như trước. Theo đó, tương tự công ty mẹ SAB và các công ty con khác, chi phí thuế TTĐB của Sabibeco được khấu trừ trực tiếp từ doanh thu thuần hợp nhất của SAB thay vì được hạch toán vào giá vốn hàng bán như trước đây.

Bản gốc bằng tiếng Anh của báo cáo này được phát hành vào ngày 30/7.

(Xem tiếp trang 2)

Bảng 1: KQKD hợp nhất Q2/2025, SAB

Tỷ đồng	Q2/25	% so với cùng kỳ	% so với quý trước	Q2/25 HSCF	% dự báo	6T25	% so với cùng kỳ
Doanh thu thuần	6,804	-16%	17%	6,682	102%	12,615	-10%
Lợi nhuận gộp	2,448	0%	31%			4,320	-5%
Chi phí BH&QL	(1,155)	7%	10%			(2,201)	0%
LNTT	1,562	-4%	53%			2,584	-10%
Lợi nhuận thuần	1,207	-3%	52%	1,091	111%	2,001	-11%
Tỷ suất lợi nhuận gộp	36.0%					34.2%	
Chi phí BH&QL/Doanh thu	-17.0%					-17.4%	
Tỷ suất lợi nhuận thuần	17.7%					15.9%	

Nguồn: SAB, HSC ước tính

Nhằm hiểu rõ hơn về xu hướng doanh thu bia của SAB, HSC loại trừ tác động từ phần chi phí thuế TTĐB tăng thêm, và so sánh doanh thu gộp mảng bia của SAB trong các kỳ gần đây trên cơ sở so sánh tương đồng (doanh thu gộp mảng bia = doanh thu bia + chi phí thuế TTĐB) (Bảng 2). Theo đó, trong Q2/2025, doanh thu gộp từ bia của SAB giảm 135 tỷ đồng (tương đương 1%) so với cùng kỳ, xuống 9.321 tỷ đồng, chủ yếu do sản lượng tiêu thụ giảm. Tuy nhiên, so với Q1/2025, doanh thu gộp từ bia tăng 12%, đây là một tín hiệu tích cực.

KQKD của SAB tiếp tục kém tích cực hơn so với Heineken

Trong Q2/2025, doanh thu từ bia của SAB gần như đi ngang so với cùng kỳ, trong khi Heineken ghi nhận doanh thu tại Việt Nam tăng ở mức 13-15% và sản lượng tiêu thụ bia tăng ở mức một con số cao. Lưu ý, SAB cũng đã ghi nhận kết quả kém tích cực hơn Heineken trong Q1/2025, khi doanh thu bia giảm 7%, trong khi Heineken tăng trưởng 14-16% so với cùng kỳ.

Tỷ suất lợi nhuận cải thiện, chủ yếu do ảnh hưởng từ chi phí thuế TTĐB

Tỷ suất lợi nhuận gộp trong Q2/2025 tăng lên mức 36% (so với 30,2% trong Q2/2024) nhưng chủ yếu là do thay đổi trong cách hạch toán chi phí thuế TTĐB của Sabibeco như đã đề cập.

Thật vậy, nếu sử dụng doanh thu gộp (doanh thu thuần + chi phí thuế TTĐB) làm mẫu số trong công thức tính tỷ suất lợi nhuận gộp để loại bỏ tác động của chi phí thuế TTĐB cao hơn, thì tỷ suất lợi nhuận gộp thực chất trong Q2/2025 và Q2/2024 lần lượt là 25,1% và 23,3%. Điều này cho thấy mức cải thiện vừa phải, nhiều khả năng đến từ giá nguyên vật liệu đầu vào giảm.

Tỷ suất lợi nhuận thuần trong Q2/2025 cũng tăng lên mức 17,7% (từ 15,4% trong Q2/2024). Tuy nhiên, nếu sử dụng doanh thu gộp làm mẫu số, tỷ suất lợi nhuận thuần thực tế trong Q2/2025 đạt 12,4%, chỉ cải thiện nhẹ so với mức 11,9% trong Q2/2024. Sự cải thiện này chủ yếu đến từ tỷ suất lợi nhuận gộp tốt hơn, bù đắp cho việc tỷ lệ chi phí bán hàng & quản lý/doanh thu tăng lên.

Xem xét lại khuyến nghị và giá mục tiêu

Sau khi giá cổ phiếu tăng 5% trong 3 tháng qua, SAB đang giao dịch với P/E trượt dự phòng 1 năm là 13 lần, thấp hơn 1,5 độ lệch chuẩn so với bình quân từ tháng 3/2022 ở mức 19,4 lần. HSC đang xem xét lại khuyến nghị và giá mục tiêu đối với MSN.

Bảng 2: Doanh thu gộp mảng bia, SAB

Doanh thu gộp mảng bia giảm 1% so với cùng kỳ nhưng tăng trở lại 17% so với quý trước

Tỷ đồng	Q2/24	Q2/25	% so với cùng kỳ	% so với quý trước
Chi phí thuế tiêu thụ đặc biệt	(2,397)	(2,944)	23%	17%
Doanh thu bia	7,059	6,377	-10%	17%
Doanh thu gộp mảng bia (doanh thu bia + chi phí thuế tiêu thụ đặc biệt)	9,456	9,321	-1%	17%

Nguồn: SAB, HSC ước tính

BCTC và chỉ số tài chính chủ chốt

Báo cáo KQ HKKD (tỷ đồng)	12-23A	12-24A	12-25F	12-26F	12-27F
Doanh thu	30,461	31,872	31,604	32,710	33,767
Lợi nhuận gộp	9,091	9,318	10,118	10,532	10,901
Chi phí BH&QL	(5,280)	(4,881)	(5,158)	(5,299)	(5,493)
Thu nhập khác	-	-	-	-	-
Chi phí khác	-	-	-	-	-
EBIT	3,811	4,437	4,961	5,232	5,408
Lãi vay thuần	1,340	1,017	940	891	829
Lãi/lỗ trong Cty LD,LK	232	197	208	211	202
Lợi nhuận khác	-	-	-	-	-
LN không thường xuyên	(12.8)	(4.50)	(26.0)	3.55	3.55
LN TT	5,370	5,647	6,083	6,338	6,443
Chi phí thuế TNDN	(1,115)	(1,153)	(1,296)	(1,268)	(1,289)
Lợi ích cổ đông thiểu số	(137)	(165)	(175)	(186)	(189)
LNST không thường xuyên	-	-	-	-	-
Lợi nhuận thuần	4,118	4,330	4,612	4,885	4,966
Lợi nhuận thuần ĐC	4,118	4,330	4,612	4,885	4,966
EBITDA ĐC	4,381	4,986	5,550	5,828	6,014
EPS (đồng)	3,132	3,291	3,488	3,694	3,756
EPS ĐC (đồng)	3,132	3,291	3,488	3,694	3,756
DPS (đồng)	3,500	5,000	5,000	5,000	5,000
Sig CP bình quân (triệu đv)	1,283	1,283	1,283	1,283	1,283
Sig CP cuối kỳ (triệu đv)	1,283	1,283	1,283	1,283	1,283
Sig CP pha loãng cuối kỳ (triệu đv)	1,283	1,283	1,283	1,283	1,283

Bảng cân đối kế toán (tỷ đồng)	12-23A	12-24A	12-25F	12-26F	12-27F
Tiền & tương đương tiền	5,040	4,478	4,201	3,947	4,365
Đầu tư ngắn hạn	17,741	16,566	15,566	14,566	13,066
Phải thu khách hàng	467	433	429	445	459
Hàng tồn kho	2,318	1,979	1,882	2,045	2,219
Các tài sản ngắn hạn khác	988	1,611	1,595	1,662	1,726
Tổng tài sản ngắn hạn	26,553	25,067	23,673	22,665	21,835
TSCĐ hữu hình	2,890	2,484	2,028	1,643	1,349
TSCĐ vô hình	923	957	947	937	927
Bất động sản đầu tư	279	268	251	234	217
Đầu tư dài hạn	57.2	1,368	1,368	1,368	1,368
Đầu tư vào Cty LD,LK	2,230	2,305	2,018	2,093	2,165
Tài sản dài hạn khác	1,124	990	1,062	1,184	1,106
Tổng tài sản dài hạn	7,503	8,373	7,673	7,460	7,132
Tổng cộng tài sản	34,057	33,439	31,347	30,124	28,967
Nợ ngắn hạn	530	245	245	245	245
Phải trả người bán	2,476	2,642	2,517	2,598	2,679
Nợ ngắn hạn khác	3,815	4,354	4,235	4,378	4,510
Tổng nợ ngắn hạn	8,225	8,657	8,345	8,614	8,869
Nợ dài hạn	171	169	152	137	124
Thuế TNDN hoãn lại phải trả	50.8	49.2	46.9	48.4	49.9
Nợ dài hạn khác	125	127	121	123	127
Tổng nợ dài hạn	347	345	320	309	301
Tổng nợ phải trả	8,571	9,002	8,665	8,924	9,171
Vốn chủ sở hữu	24,212	23,282	21,351	19,684	18,091
Lợi ích cổ đông thiểu số	1,273	1,155	1,330	1,516	1,705
Tổng vốn chủ sở hữu	25,485	24,437	22,681	21,201	19,796
Tổng nợ phải trả và VCSH	34,057	33,439	31,347	30,124	28,967
BVPS (đ)	18,878	18,153	16,647	15,348	14,105
Nợ thuần/(tiền mặt)	(4,339)	(4,063)	(3,803)	(3,565)	(3,996)

Báo cáo LCTT (tỷ đồng)	12-23A	12-24A	12-25F	12-26F	12-27F
EBIT	3,811	4,437	4,961	5,232	5,408
Khấu hao	(570)	(549)	(589)	(595)	(605)
Lãi vay thuần	1,340	1,017	940	891	829
Thuế TNDN đã nộp	(1,100)	(1,157)	(1,217)	(1,268)	(1,289)
Thay đổi vốn lưu động	(1,109)	574	(200)	16.0	(3.95)
Khác	(1,572)	(1,175)	(972)	(831)	(785)
LCT thuần từ HKKD	1,940	4,245	4,102	4,636	4,765
Đầu tư TS dài hạn	(284)	(296)	(200)	(300)	(200)
Góp vốn & đầu tư	(17,562)	(21,223)	1,287	925	1,428
Thanh lý	19,198	20,268	0	0	0
Khác	1,364	1,387	964	914	851
LCT thuần từ HĐĐT	2,716	136	2,051	1,539	2,079
Cổ tức trả cho CSH	(3,354)	(4,659)	(6,413)	(6,413)	(6,413)
Thu từ phát hành CP	0	0	0	0	0
Tăng/giảm nợ	(331)	(285)	(16.9)	(15.2)	(13.7)
Khác	-	-	-	-	-
LCT thuần từ HĐTC	(3,685)	(4,943)	(6,430)	(6,428)	(6,427)
Tiền & tương đương tiền đầu kì	4,069	5,040	4,478	4,201	3,947
LCT thuần trong kỳ	971	(562)	(277)	(253)	418
Ảnh hưởng của tỷ giá	(0.18)	(0.35)	0	0	0
Tiền & tương đương tiền cuối kì	5,040	4,478	4,201	3,947	4,365
Dòng tiền tự do	1,656	3,949	3,902	4,336	4,565

Các chỉ số tài chính	12-23A	12-24A	12-25F	12-26F	12-27F
Chỉ số hoạt động					
Tỷ suất LN gộp (%)	29.8	29.2	32.0	32.2	32.3
Tỷ suất EBITDA ĐC (%)	14.4	15.6	17.6	17.8	17.8
Tỷ suất LNT (%)	13.5	13.6	14.6	14.9	14.7
Thuế TNDN hiện hành (%)	20.8	20.4	21.3	20.0	20.0
Tăng trưởng doanh thu (%)	(12.9)	4.63	(0.84)	3.50	3.23
Tăng trưởng EBITDA ĐC (%)	(27.7)	13.8	11.3	5.00	3.19
Tăng trưởng LNT ĐC (%)	(20.9)	5.16	6.50	5.92	1.66
Tăng trưởng EPS (%)	(60.8)	5.08	5.98	5.92	1.66
Tăng trưởng EPS ĐC (%)	(21.2)	5.08	5.98	5.92	1.66
Tăng trưởng DPS (%)	(30.0)	42.9	0	0	0
Tỷ lệ LN thuần trả CT (%)	112	152	143	135	133
Chỉ số lợi nhuận					
ROAE (%)	17.4	18.2	20.7	23.8	26.3
ROACE (%)	14.9	17.5	20.8	23.5	26.0
Vòng quay tài sản (lần)	0.89	0.94	0.98	1.06	1.14
Tiền mặt HD/EBIT (lần)	0.51	0.96	0.83	0.89	0.88
Số ngày tồn kho	39.6	32.0	32.0	33.7	35.4
Số ngày phải thu	7.98	7.01	7.30	7.32	7.33
Số ngày phải trả	42.3	42.8	42.8	42.8	42.8
Cơ cấu vốn					
Nợ thuần*/VCSH (%)	(17.7)	(17.0)	(17.4)	(17.6)	(21.6)
Nợ/tài sản (%)	2.19	1.52	1.56	1.58	1.60
EBIT/lãi vay (lần)	N/a	N/a	N/a	N/a	N/a
Nợ/EBITDA (lần)	0.17	0.10	0.09	0.08	0.08
Chỉ số TT hiện thời (lần)	3.23	2.90	2.84	2.63	2.46
Định giá					
EV/doanh thu (lần)	1.89	1.81	1.84	1.79	1.73
EV/EBITDA ĐC (lần)	13.2	11.6	10.5	10.1	9.72
P/E (lần)	15.1	14.4	13.6	12.8	12.6
P/E ĐC (lần)	15.1	14.4	13.6	12.8	12.6
P/B (lần)	2.51	2.61	2.84	3.09	3.36
Lợi suất cổ tức (%)	7.39	10.6	10.6	10.6	10.6

Ghi chú: *Không bao gồm các khoản Đầu tư ngắn hạn.
 Nguồn: Công ty, HSC ước tính

Tuyên bố miễn trách

Bản quyền thuộc về CTCP Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HSC) 2021.

Báo cáo này được HSC hoặc một trong các chi nhánh viết và phát hành để phân phối tại Việt Nam và nước ngoài; phục vụ cho các nhà đầu tư tổ chức chuyên nghiệp là khách hàng của HSC và đồng ý nhận các sản phẩm nghiên cứu phân tích dành cho khách hàng tổ chức của HSC. Nếu quý độc giả không thuộc đối tượng nhà đầu tư nói trên, báo cáo này sẽ không nhằm phục vụ quý độc giả và quý độc giả không nên đọc hoặc dựa vào nội dung báo cáo này.

Báo cáo nghiên cứu này được viết với mục tiêu duy nhất là cung cấp những thông tin khái quát đến nhà đầu tư tổ chức. Báo cáo này không nhằm tới những mục tiêu đầu tư cụ thể, tình trạng tài chính cụ thể hay nhu cầu cụ thể của bất kỳ người nào nhận được hoặc đọc báo cáo này. Nhà đầu tư phải có quyết định của riêng mình dựa trên tình hình tài chính và mục tiêu đầu tư cụ thể của mình. Các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo không mang tính chất mời chào mua hay bán bất cứ chứng khoán, quyền chọn, hợp đồng tương lai hay công cụ phái sinh nào tại bất kỳ lãnh thổ có quyền tài phán nào. Đồng thời, các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo cũng không nhằm mục đích quảng cáo cho bất cứ công cụ tài chính nào.

Ý kiến, dự báo và ước tính chỉ thể hiện quan điểm của người viết tại thời điểm phát hành, không được xem là quan điểm của HSC và có thể thay đổi mà không cần thông báo. HSC có thể đưa ra khuyến nghị hoặc nhận định khác đối với các đối tượng nhà đầu tư không đồng ý với nội dung của báo cáo này. HSC không có nghĩa vụ phải cập nhật, sửa đổi báo cáo này dưới mọi hình thức cũng như thông báo với người đọc trong trường hợp các quan điểm, dự báo và ước tính trong báo cáo này thay đổi hoặc trở nên không chính xác. Thông tin trong báo cáo này được thu thập từ nhiều nguồn khác nhau và chúng tôi không đảm bảo về sự hoàn chỉnh cũng như độ chính xác của thông tin.

HSC có thể sử dụng các nghiên cứu trong báo cáo này cho hoạt động mua bán chứng khoán tự doanh hoặc mua bán chứng khoán cho các quỹ mà HSC đang quản lý. HSC có thể giao dịch cho chính công ty theo những gợi ý về giao dịch ngắn hạn của các chuyên gia phân tích trong báo cáo này và cũng có thể tham gia vào các giao dịch chứng khoán trái ngược với ý kiến tư vấn và quan điểm thể hiện trong báo cáo này. Nhân viên của HSC có thể có lợi ích tài chính ở những chứng khoán được đề cập trong báo cáo này hoặc các công cụ có liên quan. HSC có thể có nghiệp vụ ngân hàng đầu tư hoặc tìm kiếm mối quan hệ hợp tác kinh doanh với những công ty được đề cập đến trong báo cáo này.

Nhà đầu tư phải lưu ý rằng giá và khối lượng giao dịch của các công cụ tài chính luôn biến động, có thể lên hoặc xuống. Những diễn biến trong quá khứ, nếu có, không hàm ý cho những kết quả tương lai.

Báo cáo này là tài sản của HSC và không được công bố rộng rãi ra công chúng, vì vậy không ai được phép sao chép, tái sản xuất, phát hành cũng như tái phân phối bất kỳ nội dung nào của báo cáo hay toàn bộ báo cáo vì bất kỳ mục đích nào nếu không có văn bản chấp thuận của HSC. Mọi cá nhân, tổ chức sẽ chịu trách nhiệm đối với HSC về bất kỳ tổn thất hoặc thiệt hại nào mà HSC hoặc khách hàng của HSC phải chịu do bất kỳ hành vi vi phạm theo Tuyên bố miễn trách này và theo quy định của pháp luật.

Giải thích các mức đánh giá cổ phiếu dành cho khách hàng tổ chức

Mua vào: Kỳ vọng tăng giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Tăng tỷ trọng: Kỳ vọng tăng giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Nắm giữ: Kỳ vọng tăng giá hoặc giảm giá dưới 5% trong khoảng thời gian 12 tháng
Giảm tỷ trọng: Kỳ vọng giảm giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Bán ra: Kỳ vọng giảm giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng



CÔNG TY CHỨNG KHOÁN TỐT NHẤT VÀ ĐỘI NGŨ PHÂN TÍCH HÀNG ĐẦU VIỆT NAM
Được trao bởi Finance Asia, Asiamoney, Institutional Investor & Thomson Reuters

TRỤ SỞ CHÍNH

Tầng 5 & 6, Tòa nhà AB
76 Lê Lai, Quận 1, TPHCM
T: (+84 28) 3823 3299
F: (+84 28) 3823 3301

CHI NHÁNH HÀ NỘI

Tầng 2, Tòa nhà Cornerstone
16 Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm
T: (+84 24) 3933 4693
F: (+84 24) 3933 4822

E: info@hsc.com.vn W: www.hsc.com.vn